

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ**  
**SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2021/TLST - HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị D.** Sinh năm 1984. Nơi ĐKKHKT: Xóm G, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T.** Sinh năm 1981. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2021.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

\* *Về con chung:* Chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Vũ Khải A sinh ngày 07/8/2016, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau ly hôn giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

\* *Về tài sản chung*: Chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Về vay nợ chung*: Chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn T không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Về án phí*: Chị Vũ Thị D tự nguyện chịu 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0000507 ngày 01 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Vũ Thị D được hoàn lại số tiền: 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. B;
- Dương sự;
- UBND xã D;
- Chi cục THADS H. B;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP;

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Lý Thị Thúy**